

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành  
nông nghiệp và phát triển nông thôn**

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn từ trung ương đến địa phương.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng với các cơ quan, tổ chức hành chính thực hiện chức năng tham mưu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn từ trung ương đến địa phương, gồm:

- Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện; phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh, quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

**Điều 3. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm**

1. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn được xác định trên cơ sở nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

2. Gắn với tiêu chuẩn ngạch công chức, đảm bảo nguyên tắc một người có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức, một người chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

3. Mỗi vị trí việc làm có tên gọi, các công việc và tiêu chí đánh giá hoàn thành công việc, các mối quan hệ trong công việc, phạm vi và quyền hạn, các yêu cầu về phẩm chất cá nhân, trình độ, năng lực.

4. Bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các quy định của pháp luật chuyên ngành.

#### **Điều 4. Căn cứ xác định vị trí việc làm**

Căn cứ xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

#### **Điều 5. Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm**

1. Danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

3. Khung cấp độ xác định yêu cầu về năng lực đối với vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ Thông tư này, cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 2 xây dựng Đề án vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức mình gửi cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về tổ chức cán bộ cùng cấp để thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

#### **Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với trường hợp công chức đang giữ ngạch công chức cao hơn so với ngạch công chức theo yêu cầu của vị trí việc làm quy định tại Thông tư này thì được bảo lưu cho đến khi có hướng dẫn mới về chế độ tiền lương theo quy định.

#### **Điều 8. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2023.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hướng dẫn, giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN&PTNT;
- Các cơ quan đơn vị trực thuộc Bộ NN&PTNT;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&PTNT tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Công thông tin điện tử Chính phủ; cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật;
- Công thông tin điện tử Bộ NN&PTNT,
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hoàng Hiệp**